

Số: 171/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 127/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lê Kim A, sinh năm 1996

Nơi cư trú: tổ C, khu phố C, phường H, tỉnh Quảng Ninh

- Anh Nguyễn Việt D, sinh năm 1993

Nơi cư trú: tổ C, khu phố C, phường H, tỉnh Quảng Ninh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Kim A và anh Nguyễn Việt D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 27/10/2020 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, nay là Ủy ban nhân dân phường C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng mệt mỏi, căng thẳng, tình cảm dần phai nhạt. Chị Kim A và anh D đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ tháng 11/2025 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên

chị Lê Kim A và anh Nguyễn Việt D đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: chị Lê Kim A và anh Nguyễn Việt D có 01 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 06/9/2021. Chị Lê Kim A và anh Nguyễn Việt D thỏa thuận:

Anh Nguyễn Việt D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Minh H đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Lê Kim A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: chị Lê Kim A và anh Nguyễn Việt D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị Lê Kim A và anh Nguyễn Việt D không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí Tòa án: chị Lê Kim A và anh Nguyễn Việt D thỏa thuận anh Nguyễn Việt D chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Kim A và anh Nguyễn Việt D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao con chung Nguyễn Minh H, sinh ngày 06/9/2021 cho anh Nguyễn Việt D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Lê Kim A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Lê Kim A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Nguyễn Việt D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con; hoặc nhận thấy anh Nguyễn Việt D không đủ điều kiện bảo đảm quyền lợi ích của con thì chị Lê Kim A có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: chị Lê Kim A và anh Nguyễn Việt D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị Lê Kim A và anh Nguyễn Việt D không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: không.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Nguyễn Việt D tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001244 ngày 25/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Anh Nguyễn Việt D đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: UBND phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;
nay là UBND phường C, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hải Ninh